

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2021/DS-PT

Ngày: 25/05 /2021

V/v tranh chấp: “Quyền về lỗi đi qua”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “Mở lỗi đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 244/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Đặng Thị T, sinh năm 1950;

2. Ngô Văn C, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Phan Thị U, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2020.

- Bị đơn: Võ Thị C1, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978; (có mặt)

2. Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1982; (có mặt)

3. Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Đỗ Hoan L, sinh năm 1945; (xin vắng mặt)
2. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1945; (xin vắng mặt)
3. Nguyễn Hoàng V2, sinh năm 1943(có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền:

- 3.1. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978; (có mặt)
- 3.2. Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1982; (có mặt)
- 3.3. Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2021.

4. Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1978; (có mặt)
5. Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1982; (có mặt)
6. Nguyễn Hoàng V1, sinh năm 1980; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Võ Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Đặng Thị T và ông Ngô Văn C, có người đại diện theo ủy quyền – bà Phan Thị U trình bày:

Ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T đứng tên chủ quyền diện tích 1.330,3m², thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00562 do UBND huyện G cấp ngày 26/9/2008, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Thửa đất số 689 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề là thửa đất số 59 thuộc quyền sử dụng đất của bà Võ Thị C1. Từ trước năm 1979, nguyên đơn đi nhờ lối đi có diện tích ngang khoảng 1,8m, dài 60m và sử dụng lối đi này để đi ra đường đi công cộng. Thời gian gần đây, bà C1 thường xuyên chửi bới và nói không cho gia đình nguyên đơn đi trên lối đi này. Ngoài lối đi này, phía nguyên đơn không còn lối đi nào khác.

Nay, nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà C1 với diện tích đo đạc thực tế là 87,3m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, nằm trong diện tích 2.624,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009 cho bà Võ Thị C1 đứng tên, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phía nguyên đơn đồng ý đền bù giá trị đất theo giá

Hội đồng định giá là 220.000 đồng/m² và cây dừa giá là 1.100.000 đồng/cây và cây khế là 325.000 đồng/cây.

Đối với ý kiến của đại diện ủy quyền bị đơn đồng ý cho mở lối đi ngang chỉ 01m dài hết đất đo đạc thực tế là 62,8m², nguyên đơn không đồng ý do lối đi ngang 01m rất nhỏ, gia đình bà T, ông C đi lại khó khăn. Đồng thời giá đền bù đất là 3.000.000 đồng/m² và cây dừa là 5.000.000 đồng/m², phía nguyên đơn cũng không đồng ý.

Bị đơn – bà Võ Thị C1, có người đại diện theo ủy quyền – anh Nguyễn Hữu Thông trình bày:

Bà C1 là chủ sở hữu và là người trực tiếp sử dụng thửa đất số 59, diện tích 2.624,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bà C1 đồng ý cho ông C, bà T mở lối đi ngang 01m, dài hết đất theo đo đạc thực tế là 62,8m², thuộc thửa đất số 59, không đồng ý cho mở lối đi ngang 1,4m dài hết đất theo đo đạc thực tế là 87,3m². Do lối đi này không phải là lối đi ngắn nhất, duy nhất và thuận tiện nhất. Nếu nguyên đơn muốn đi thuận tiện nhất và ngắn nhất thì yêu cầu mở lối đi trên đất bà Hoa (phía bà Hoa đã xây dựng bức tường làm hàng rào ranh giới đất).

Nay, bà C1 chỉ đồng ý cho mở lối đi đo đạc thực tế là 62,8m² (chiều ngang 01m) và yêu cầu đền bù giá trị đất là 3.000.000 đồng/m², cây dừa là 5.000.000 đồng/cây.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hoàng V2 trình bày:

Vợ chồng ông là chủ sở hữu và là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 59, diện tích 2.624,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nay, ông đồng ý cho vợ chồng ông C, bà T mở lối đi với diện tích ngang 01m, dài đến cửa nhà của ông bà và đền bù số tiền 3.000.000 đồng/m² đất, giá trị cây dừa trên đất được tính là 5.000.000 đồng/cây.

Ông xin bảo lưu lời khai này trong suốt quá trình giải quyết vụ việc và vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như khi đưa vụ án ra xét xử.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hồng T1, Nguyễn Hoàng V1 cùng trình bày:

Cha mẹ các anh chị là chủ sở hữu và là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 59, diện tích 2.624,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nay, các anh chị đồng ý mở lối đi cho vợ chồng ông C, bà T với diện tích ngang 01m, dài đến cửa nhà vợ chồng ông C, bà T với số tiền 3.000.000 đồng/m² đất, giá trị cây dừa trên đất được tính là 5.000.000 đồng/cây.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Đỗ Hoan L và bà Nguyễn Thị T2 cùng trình bày:

Ông bà là người đang trực tiếp sử dụng phần đất diện tích 219,5m², thửa đất số 316, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L, bà T2 đứng tên, do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông C, bà T có đi nhờ một lối đi có diện tích ngang 1,6m, dài 30m trên phần đất của ông bà, ngoài lối đi này, ông C, bà T không còn lối đi nào khác để đi ra đường đi công cộng. Nay, ông bà đồng ý cho ông C, bà T tiếp tục sử dụng lối đi này, ông bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì.

Bản án **dân sự** sơ thẩm **số 244/2020/DS-ST ngày 24/9/2020** của Tòa án nhân dân **huyện G**, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T.

Buộc bà Võ Thị C1, ông Nguyễn Hoàng V2, anh Nguyễn Hoàng V, anh Nguyễn Hồng T1 và Nguyễn Hoàng V1 có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có diện tích 87,3m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009 cấp cho bà Võ Thị C1 đứng tên, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Đỗ Hoan L;
- + Tây giáp đất Ngô Văn C, Đinh Thị T (Đặng Thị T) và Phan Thị H
- + Nam giáp đất Trần Văn L, Dương Thị Q;
- + Bắc giáp đất còn lại Võ Thị C1.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

Ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị C1 số tiền đền bù về giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất (07 cây dừa loại A và 01 cây khế loại B1) là 27.231.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng). Thời gian giao khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C1 cho đến khi thi hành án xong, ông C, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bị đơn – bà Võ Thị C1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc giải quyết: Khúc đường hẹp chỉ mở lối đi 01m chiều rộng, giá đất theo thị trường.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có thay đổi yêu cầu kháng cáo. Bị đơn đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn như án sơ thẩm xét xử nhưng yêu cầu hoàn trả giá trị đất là 2.800.000 đồng/m², giá trị cây trồng thì đồng ý như án sơ thẩm xét xử. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Xét đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định nên được xem xét. Nhận thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bị đơn phải mở lối đi cho nguyên đơn có diện tích 87,3m² nằm trong phần đất của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm thì nguyên đơn còn phải đi qua phần đất của ông L, bà T2 mới ra đường đi công cộng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, do bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh giá đất là 2.800.000 đồng/m², nguyên đơn cũng không đồng ý bồi thường giá trị đất như bị đơn yêu cầu, đồng thời sử dụng một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà T2 cho nguyên đơn được đi qua phần đất của mình để ra đường đi công cộng.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp Mở lối đi” là chưa chính xác theo qui định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự, nên điều chỉnh quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền về lối đi qua”. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Võ Thị C1 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu nguyên đơn bồi thường giá trị đất là 2.800.000 đồng/m², các vấn đề khác thống nhất như án sơ thẩm đã xét xử. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên được xem xét.

Đối với ông Đỗ Hoan L và bà Nguyễn Thị T2 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà T2 theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1.330,3m², thửa đất số 698, tờ bản đồ số 2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00562 do UBND huyện G cấp ngày 26/9/2008, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang nằm phía sau phần đất của bà C1 và bị vây bọc bởi phần đất của bà C1. Từ trước đến nay, gia đình bà T, ông C đã sử dụng lối đi trên phần đất của bà C1 và là lối đi duy nhất, ngoài ra, ông bà không còn lối đi nào khác. Do mâu thuẫn hai gia đình nên bà C1 đã xây dựng rào xung quanh lối đi, nên phát sinh tranh chấp. Sau khi xét xử sơ thẩm, buộc bà Võ Thị C1, ông Nguyễn Hoàng V2, anh Nguyễn Hoàng V, anh Nguyễn Hồng T1 và Nguyễn Hoàng V1 có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có diện tích 87,3m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009 cấp cho bà Võ Thị C1 đứng tên, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang, đồng thời buộc Ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị C1 số tiền đền bù về giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất (07 cây dừa loại A và 01 cây khế loại B1) là 27.231.000 đồng (Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng). Bà C1 kháng cáo, chỉ đồng ý mở lối đi ở những khúc hẹp chỉ là 01 m bề ngang và hoàn trả giá đất theo giá thị trường.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 05/3/2021, Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm lần thứ 1 thì nguyên đơn có yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ đối với lối đi xin mở. Bị đơn có yêu cầu Tòa án xem xét trưng cầu định giá lại về trị giá đất đối với phần lối đi có tranh chấp, nhưng sau đó Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản yêu cầu bị đơn phải thực hiện việc giao nộp hợp đồng định giá với cơ quan có chức năng thẩm định giá, nhưng bà C1 và những người cùng hộ có văn bản cung cấp ý chí cho rằng không thực hiện việc định giá tài sản và đề nghị được thỏa thuận với nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự để quyết định trong bản án là đúng pháp luật. Tuy nhiên, bà T và ông C muốn đi ra đường đi công cộng thì phải đi qua phần đất của ông Đỗ Hoan L thì mới ra được đường đi công cộng. Tòa án sơ thẩm đã có đưa vợ chồng ông L bà T2 vào tham gia tố tụng, ý chí của ông L, bà T2 cũng tự nguyện cho đi qua đất của mình nhưng Tòa án sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện này trong bản án sơ thẩm là có thiếu sót, chưa đảm bảo đường đi ra đường công cộng theo Điều 254 của Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, xét thấy theo tài liệu có trong hồ sơ, biên bản xem xét tại chỗ của Tòa sơ thẩm và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm thì thấy rằng lối đi nguyên đơn xin mở là một lối mòn được nguyên đơn sử dụng từ rất lâu, chiều ngang lối đi mà Tòa sơ thẩm cho mở 1,4m là phù hợp với thực tế sử dụng. Đối với trị giá đất và cây trồng trên đất mà nguyên đơn xin mở lối đi, Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả định giá ngày 20/8/2020 (Bút lục 104,105) là phù hợp. Bà C1 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh giá đất chuyển nhượng là 2.800.000 đồng/ m², tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự cũng không thỏa thuận được về giá trị bồi thường, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ của Tòa án phúc thẩm và biên bản đo đạc ngày 20/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện G thì nguyên đơn muốn đi ra đường đi công cộng thì sau khi đi hết phần đất của bà C1 thì phải qua phần đất của ông Đỗ Hoan L phần diện tích 37,9m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 10 do ông L, bà T2 đứng tên quyền sử dụng đất mới ra được đường đi công cộng. Cho nên, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của ông L, bà T2 cho phía nguyên đơn được sử dụng một lối đi có diện tích 37,9m² đất để đi ra đường công cộng thì mới đảm bảo thực hiện đúng qui định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đáng lẽ bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bị đơn là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 254, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị C1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 244/2020/DSST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang .

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T.

Buộc bà Võ Thị C1, ông Nguyễn Hoàng V2, anh Nguyễn Hoàng V, chị Nguyễn Hồng T1 và anh Nguyễn Hoàng V1 có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có diện tích 87,3m², thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 10, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00558 do UBND huyện G cấp ngày 15/7/2009 cấp cho bà Võ Thị C1 đứng tên, đất tại Ấp L, xã Y, huyện G, Tiền Giang, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất Đỗ Hoan L;
- + Tây giáp đất Ngô Văn C, Đinh Thị Thắm (Đặng Thị T) và Phan Thị Hoa;
- + Nam giáp đất Trần Văn Lắm, Dương Thị Quý;
- + Bắc giáp đất còn lại Võ Thị C1.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

Ông Ngô Văn C, bà Đặng Thị T có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị C1 số tiền

đền bù về giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất (07 cây dừa loại A và 01 cây khế loại B1) là 27.231.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng*). Thời gian giao khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà C1 cho đến khi thi hành án xong, ông C, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện G đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Hoan L và bà Nguyễn Thị T2 đồng ý cho bà T, ông C sử dụng phần đất có diện tích 37,9m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích 295,1m² tọa lạc tại Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang để làm lối đi ra đường công cộng, ông C và bà T không phải hoàn trả giá trị đất cho ông L, bà T2. Phần lối đi có vị trí như sau:

+ Đông giáp: Đường đá có số đo 1,40m;

+ Tây giáp: Đất bà Võ Thị C1 có số đo 1,4m (vị trí này tiếp giáp với phần lối đi của nguyên đơn xin mở trên đất bà C1);

+ Nam giáp: Đất Dương Thị Quý có số đo 27,35m;

+ Bắc giáp đất còn lại của Đỗ Hoan L và Nguyễn Thị T2 có số đo 27,08m.

(Có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo).

3. Về án phí:

Các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- CCTHADS huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt